TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2020/DSPT
Ngày 10-7-2020
V/v Tranh chấp chia thừa kế",

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu
Các thẩm phán: Ông Trần Hồng Hải
Ông Hồ Đức Quang

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thuý Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Tống Khánh Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 23/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019; do có kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Đình Đ, bị đơn ông Phan Hồng K và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của TAND huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; theo Quyết định đưa ra xét xử số 04/2020/QĐXX-PT ngày 09/3/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 17/2020/TB-TA ngày 29-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Phan Đình Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: Số nhà 05, ngõ 14, đường Phan Đình Giót, KP 6, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn N; địa chỉ: Số nhà 79, đường Hà Huy Tập, tổ 5, phường N, TP Hà Tĩnh và ông Nguyễn Hữu L, địa chỉ: Số nhà 02, đượng Nguyễn Hữu Thái, phường Tân Giang, TP Hà Tĩnh; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Hồng K, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 90, đường Xuân Diệu, KP11, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Hậu Định; địa chỉ: Tổ 4, phường B, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị T, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn Liên Xuân, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; (vắng mặt)

- Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1965, địa chỉ: Số nhà 05, ngõ 14, đường Phan Đình Giót, KP 6, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà 90, đường Xuân Diệu, KP11, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh;

- UBND huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, (có mặt).

- UBND xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị N, chức vụ: Cán bộ địa chính.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của TAND huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Phan Đình Đ trình bày: Bố mẹ ông là ông Phan K và bà Ngô Thị B có 4 người con đẻ và 01 người con nuôi. Đã mất 2 người, còn ông, anh trai ông là Phan Hồng K và người con nuôi Phan Thị T. Năm 1989 bà B chết, năm 1995 ông K chết (đều không để lại di chúc). Di sản của bố mẹ ông để lại là thửa đất số 288 tờ bản đồ số 2 bản đồ 299, diện tích 1.367m^2 tại thôn Đồng Xuân, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (Giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Phan K).

Sau khi ông K chết, thửa đất trên không có ai ở. Ông và anh trai cho một số người hàng xóm mượn để sản xuất hoa màu. Đến khoảng đầu năm 2017, anh K tiến hành xây dựng nhà thờ và một số công trình trên thửa đất. Phần đất đã xây dựng gồm: Khuôn viên nhà thờ khoảng 400m^2, còn các công trình khác được xây dựng trên phần đất còn lại 967m^2 cách biệt với nhà thờ. Khi tiến hành xây dựng, anh K không thông báo, thỏa thuận gì ông và bà T.

Nay anh Phan Đình Đ yêu cầu: Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là phần diện tích đất 967m^2, (sau khi đã trừ đi phần diện tích đất đã xây dựng nhà thờ). Toàn bộ công trình, cây cối trên phần đất 967m^2 này anh K phải tháo dỡ và tự chịu toàn bộ chi phí, thiệt hại.

Bị đơn ông Phan Hồng K trình bày: Nguồn gốc thửa đất mà anh Đ yêu cầu chia thừa kế, trước đây là của ông Phan C *(*anh trai của ông nội anh K). Sau khi ông Phan C chết (năm 1956), ông bà nội ông sử dụng, tiếp đó là bố mẹ ông quản lý, sử dụng để thờ phụng tổ tiên. Vì vậy ông cho rằng thửa đất nói trên không phải là di sản thừa kế của bố mẹ để lại mà là nơi để thờ cúng tổ tiên nên đầu năm 2017 ông đã xây dựng nhà thờ và một số công trình phục vụ cho con cháu về hương khói. Khi tiến hành xây dựng nhà thờ, tuy ông K không tổ chức họp, bàn bạc với anh Đ và bà T nhưng anh Đ, bà T vẫn biết việc xây dựng nhà thờ. Nay anh Đ yêu cầu chia thừa kế thì ông cũng nhất trí và yêu cầu phải chia thành 3 phần, nếu bà T không nhận thì bà T cho ai là quyền của bà T. Còn những tài sản trên đất mà ông đã xây dựng nếu có thiệt hại thì anh Đ và bà T phải bồi thường cho ông theo giá thị trường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị T trình bày: Thửa đất có nguồn gốc là của bố mẹ bà: Ông Phan K, bà Ngô Thị B. Bà đã đi lấy chồng, đã có nơi sinh sống ổn định nên bà từ chối nhận thừa kế. Phần thừa kế của bà giao lại cho em trai là anh K và anh Đ tự quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị P (vợ anh K) thống nhất với trình bày và quan điểm của anh Phan Hồng K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị H (vợ anh Đ) không có ý kiến gì, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện UBND huyện L và UBND xã H thống nhất trình bày: Thửa đất số 288 tờ bản đồ số 2 bản đồ 299, có diện tích là 1.302m^2 theo bản đồ 371 thì thuộc thửa đất số 269 tờ bản đồ số 06, có diện tích là 1.234m^2, thôn Đồng Xuân, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh là đất thổ cư, trước đây thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Phan K và bà Ngô Thị B. Thửa đất hiện không nằm trong quy hoạch mới của chính quyền địa phương, đất có nguồn gốc sử dụng hợp pháp, không có tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của TAND huyện L, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ vào: Các Điều 3, 4, 5, 24, 25, 30, 31, 35 Pháp lệnh thừa kế năm 1990, tương ứng với các Điều 585, 609, 611, 612, 613, 620, 623 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 143 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chia di sản thừa kế*: (Có sơ đồ chia đất kèm theo Bản án)*

1.1 Giao cho anh Phan Đình Đ *(Phan Minh Đ)* được quyền sử dụng phần đất diện tích 232,6m^2 ở thôn Đồng Xuân, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Phần đất có các

ranh giới, tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất anh Phan Hồng K, dài 22.08m *(Từ mốc 15 đến 16 trên sơ đồ)*; phía nam giáp đường liên thôn theo hiện trạng, dài 22,19m *(Từ mốc số 4 – 5 – 6 – 7 – 8 trên sơ đồ)*; phía đông giáp đường liên thôn theo hiện trạng, dài 10,23m *(Từ mốc số 16 – 2 – 3 – 4 trên sơ đồ)*; phía tây giáp đất anh Phan Hồng K, dài 9,86m *(Từ mốc số 8 – 15 trên sơ đồ).*

1.2 1 Giao cho ông Phan Hồng K được quyền sử dụng phần đất diện tích 713m^2 *(Gồm phần đất số 2 và số 3 trên sơ đồ)* ở thôn Đồng Xuân, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Phần đất có các ranh giới, tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất nhà thờ đại tôn, dài 16,71m *(Từ mốc số 12 – 13 - 1 trên sơ đồ)*; phía nam giáp đất chia cho anh Đ, dài 22,08m *(Từ mốc 15 - 15)* và đường liên thôn theo hiện trạng, dài 4.40m *(Từ mốc 8 – 14 trên sơ đồ)*; phía đông giáp đường liên thôn theo hiện trạng, dài 33,7m *(Từ mốc 01 - 16 trên sơ đồ)*; phía tây giáp đất nhà thờ, dài 39,34m *(Từ mốc số 12 – 14 trên sơ đồ).*

2. Phần bồi thường chênh lệch:

2.1 Ông Phan Hồng K phải giao lại cho Phan Đình Đ số tiền 96.080.000đồng *(Chín sáu triệu không trăm tám mươi ngàn đồng)*, tương ứng với 240,3m^2 đất.

3. Phần bồi thường tài sản trên đất:

3.1 Giao cho anh Phan Đình Đ được quyền sở hữu: Hệ thống tường rào xây, dài 33,3m *(Từ mốc 1 - 16 – 2- 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 trên sơ đồ),* trị giá 76.923.000đ; hệ thống móng kè đá hộc, trị giá 21.829.000đ; 09 cây chuối, trị giá 270.000đ; 02 cây ổi, thị giá 500.000đ, tổng giá trị tài sản trên đất là 96.522.000đồng.

Án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chia cho anh được hưởng 232m^2 trên tổng số diện tích đất còn lại 945m^2 là không đúng quy định. Anh không đồng ý nhận bồi thường chênh lệch giá vì đất đai của cha mẹ để lại là vô giá. Yêu cầu cấp phúc thẩm phân chia di sản (quyền sủ dụng đất) làm hai phần bằng nhau, buộc anh K phải tự tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất đã chia cho anh.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, bị đơn ông Phan Hồng K (người đại diện theo ủy quyền tại cấp sơ thẩm chị Nguyễn Thị P) có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với việc chia di sản thừa kế thành 2 phần, không chấp nhận việc tuyên thiếu diện tích đất so với thực tế thẩm định cho anh Đ, không đồng ý trả tiền cho anh Đ, yêu cầu chị Thuần phải có mặt tại phiên xét xử . Trong Bản án không xét đến phần tài sản con cháu đóng góp, không có ý kiến phát biểu của chị Nguyễn Thị P. Đồng thời xuất trình tài liệu: Anh Phan Hồng K và chị Nguyễn Thị P từ chối nhận di sản

thừa kế của ông Phan K và bà Nguyễn Thị B. Ngày 28/11/2020, chị Nguyễn Thị P bổ sung nội dung kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận lấy đường vào nhà thờ 174,2m^2 để chia thừa kế vì đó là lối đi chung của con cháu khi về hương khói. Yêu cầu phần tài sản nằm trên phần đất của người nào thì người đó phải đền bù.Yêu cầu giải quyết phù hợp thừa kế cho nguyên đơn đối với phần diện tích trống 535,8m^2.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, bị đơn có đơn thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể: Yêu cầu giao toàn bộ diện tích 1.392.9m^2 được thừa kế cho anh Phan Hồng K, và anh K trả lại cho anh Phan Đình Đ ½ giá trị đất tính thành tiền là 278.580.000đ. Ngày 29/6/2020 ông Phan Hồng K có đơn yêu cầu miễn toàn bộ tiền án phí.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ bồi thường giá trị tài sản và phần tài sản trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo. Người đại diện của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo theo đơn ngày 04/5/2020. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt (chị Phương, chị Hương, UBND huyện L) vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh giữ nguyên quan điểm kháng nghị và sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, HĐXX, thư ký phiên tòa đã đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung Kháng nghị số 04/2020/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Sửa Bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của TAND huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ "Tranh chấp chia thừa kế" là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Di sản ông Phan K và bà Ngô Thị B để lại là quyền sử dụng đất tại thửa số 288 tờ bản đồ số 2 bản đồ 299, thôn Đồng Xuân, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Theo kết quả thẩm định tại chỗ, diện tích này là 1.392,9m^2, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế là phần đất còn lại sau khi trừ đi phần diện tích đất

nhà thờ (447,3m^2). Như vậy, phần di sản nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế được xác định là 945,6m^2.

[2.2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu chia đôi di sản thừa kế 945,6m^2 thấy rằng: Trên phần diện tích này đã xây dựng nhà khách, nhà bếp, các công trình vệ sinh, mái che và một số công trình khác. Tổng diện tích 713m^2. Còn 232,6m^2 là diện tích trống, chưa có công trình xây dựng. Cấp sơ thẩm chia phần diện tích đất đã xây dựng các công trình kiên cố 713m^2 cho anh K là phù hợp, bởi lẽ các công trình này nhất là nhà khách là công trình kiên cố phục vụ con cháu về hương khói, không những là công trình có giá trị về mặt tinh thần mà còn có giá trị về kết cấu xây dựng. Việc chia cho anh Đ 232,6m^2 đất trống và số tiền 96.080.000đ tương ứng với 242,2m^2 đất còn thiếu cũng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đ.

Đất đai là một loại bất động sản, nó có giá trị về mặt kinh tế. Tùy theo từng loại đất, từng khu vực mà Nhà nước quy định mức giá khác nhau. Nó chỉ "vô giá" về mặt tinh thần. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Nhưng điều đó không có nghĩa là chia hiện vật bằng nhau. Căn cứ vào tính hiện trạng, tính khoa học mà phân chia cho phù hợp.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu giao toàn bộ di sản thừa kế cho bị đơn và bị đơn hoàn lại cho nguyên đơn ½ di sản thừa kế tính bằng tiền 278.580.000đ là không có cơ sở chấp nhận. Về nguyên tắc phải chia đôi diện tích 945,6m^2 đất cho anh K và anh Đ, tuy nhiên như đã phân tích tại [2.2] nên anh K được giao phần diện tích 713m^2 đã xây dựng các công trình, anh Đ được giao phần đất trống và số tiền 96.080.000đ tương ứng với 242,2m^2 đất còn thiếu là đảm bảo công bằng, phù hợp với kết cấu xây dựng và giá trị sử dụng.

[2.4] Xét Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh:

Thứ nhất, Viện kiểm sát cho rằng việc cấp sơ thẩm không buộc anh Đ bồi thường số tiền 95.522.000đ giá trị tài sản được sở hữu cho anh Phan Hồng K là không khách quan, chưa đánh giá toàn diện, đầy đủ chứng cứ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự thấy rằng: Tại các bút lục số 04, 22, 30 anh Đ trình bày "Chú mự để bác làm nhà thờ và khu nhà sinh hoạt toàn bộ diện tích đất của cha mẹ, bác sẽ mua bù cho chú mự một miếng đất khác đủ làm nhà ở thành phố H". Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ thừa nhận, quá trình xây dựng nhà thờ và các công trình, bản thân anh biết và có đi về vào các ngày lễ song do có sự thỏa thuận với anh K về việc anh K hứa mua cho một mảnh đất khác ở thành phố nên anh không ngăn cản.

Trên phần diện tích chia cho anh Đ có các loại tài sản gồm: Tường rào, móng đá kè, cây chuối, cây ổi, trị giá 96.522.000đ. Những tài sản trên đất này được giao cho anh Đ sở hữu thì việc bồi thường giá trị tài sản cho chủ sở hữu cũ là đúng quy

định.Tuy nhiên. Sự việc tranh chấp xẩy ra là lỗi của cả anh K và anh Đ. Bởi lẽ, cả hai đã có sự thỏa thuận "đổi đất" bằng miệng với nhau từ trước, vì vậy cần buộc anh K phải chịu tự ½ thiệt hại tương đương 48.261.000đ như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa về xem xét lỗi của các bên là có căn cứ.

Đối với nội dung kháng nghị thứ hai thấy rằng: Từ mốc 1-16-2-3-4-5-6-7-8 theo sơ đồ kèm theo bản án được xác định là 33,70+7,44+1,50+1,29 +2,52 +2,85+15,62+2,22 = 67,14m. Như vậy, so với phần tài sản anh Đ được hưởng là hệ thống tường rào xây dài 33,3m thì các mốc này đã vượt quá. Theo sơ đồ, thì mốc 1-16 là phần tường rào phía Đông giáp đường liên thôn đã được chia cho anh Phan Hồng K. Vì vậy cần chấp nhận kháng nghị của VKS xác định các điểm mốc của tường rào giao cho anh Đ là là 16-2-3-4-5-6-7-8 theo sơ đồ kèm theo bản án.

Về án phí: Nguyên đơn anh Phan Đình Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Bị đơn ông Phan Hồng K được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí lệ phí Tòa án và Luật người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần Kháng nghị số 04/2020/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Phan Minh Đức và bị đơn anh Phan Hồng K. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số /2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của TAND huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng các Điều 3, 4, 5, 24, 25, 30, 31, 35 Pháp lệnh thừa kế năm 1990, tương ứng với các Điều 585, 609, 611, 612, 613, 620, 623 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 143, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chia di sản thừa kế*:*

1.1 Giao cho anh Phan Đình Đ *(Phan Minh Đ)* được quyền sử dụng phần đất diện tích 232,6m^2 ở thôn Đồng Xuân, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Phần đất có các ranh giới, tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất anh Phan Hồng K, dài 22.08m *(Từ mốc 15 đến 16 trên sơ đồ)*; phía nam giáp đường liên thôn theo hiện trạng, dài 22,19m *(Từ mốc số 4 – 5 – 6 – 7 – 8 trên sơ đồ)*; phía đông giáp đường liên thôn theo hiện trạng, dài 10,23m *(Từ mốc số 16 – 2 – 3 – 4 trên sơ đồ)*; phía tây giáp đất anh Phan Hồng K, dài 9,86m *(Từ mốc số 8 – 15 trên sơ đồ).*

1.2 1 Giao cho anh Phan Hồng K được quyền sử dụng phần đất diện tích 713m^2 *(Gồm phần đất số 2 và số 3 trên sơ đồ)* ở thôn Đồng Xuân, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Phần đất có các ranh giới, tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất nhà thờ đại tôn, dài 16,71m *(Từ mốc số 12 – 13 - 1 trên sơ đồ)*; phía nam giáp đất chia cho anh Đ, dài 22,08m *(Từ mốc 15 - 15)* và đường liên thôn theo hiện trạng, dài 4.40m *(Từ mốc 8 – 14 trên sơ đồ)*; phía đông giáp đường liên thôn theo hiện trạng, dài 33,7m *(Từ mốc 01 - 16 trên sơ đồ)*; phía tây giáp đất nhà thờ, dài 39,34m *(Từ mốc số 12 – 14 trên sơ đồ)*.

2. Phần bồi thường chênh lệch:

2.1 Anh Phan Hồng K phải giao lại cho Phan Đình Đ số tiền 96.080.000đồng *(Chín sáu triệu không trăm tám mươi ngàn đồng)*, tương ứng với 240,2m^2 đất.

3. Phần bồi thường tài sản trên đất:

3.1. Giao cho anh Phan Đình Đ được quyền sở hữu: Hệ thống tường rào xây, dài 33,4m *(Từ mốc 16 – 2- 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 trên sơ đồ)*, trị giá 76.923.000đ; hệ thống móng kè đá hộc, trị giá 21.829.000đ; 09 cây chuối, trị giá 270.000đ; 02 cây ổi, thị giá 500.000đ. Tổng giá trị tài sản là 96.522.000đ nhưng anh phải trả lại cho ông Kỳ ½ giá trị tài sản trên đất là 48.261.000đ.

Khấu trừ số tiền ông Kỳ phải giao lại cho anh Đ 96.080.000đồng, thì anh Đ còn phải đưa lại cho ông Kỳ 47.819.000đ (bốn mươi bảy triệu tám trăm mười chín ngàn đồng chẵn).

4. Về án phí: Anh Phan Đình Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng phải chịu 11.869.000đ án phí có giá ngạch. Trả lại cho anh Phan Đình Đ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0002956 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Nay anh Đ còn phải nộp 11.569.000đ. Ông Phan Hồng K được miễn toàn bộ án phí. Trả lại cho ông Kỳ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0002955 ngày 28/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, *(đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải nộp cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao;*
- *VKSND tỉnh Hà Tĩnh;*
- *TAND huyện L;*
- *Chi Cục THA huyện L;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS, TDS.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Lệ Thu